

Du lịch làng nghề ở Đồng bằng sông Cửu Long – Một lợi thế văn hóa để phát triển du lịch

THS. NGUYỄN PHƯỚC QUÝ QUANG

Nước ta có hệ thống làng nghề khá phong phú, rất thích hợp để khai thác và phát triển du lịch. Tuy nhiên, hiện nay tiềm năng ấy vẫn chưa được các địa phương quan tâm đúng mức. Trong khi nhiều làng nghề đang đứng trước nguy cơ mai một và lãng phí cơ hội thì những dự án đầu tư vẫn còn nằm trên giấy. Đã đến lúc, để trở thành điểm du lịch hấp dẫn, ngoài sự vận động của các làng nghề, cần phải có những giải pháp đồng bộ từ phía các cơ quan chức năng. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng du lịch làng nghề ở Đồng bằng sông Cửu Long, tác giả kiến nghị những giải pháp trước mắt và lâu dài để khôi phục và phát triển làng nghề phục vụ cho ngành du lịch tại địa bàn này.

Từ khóa: Đồng bằng sông Cửu Long, du lịch, làng nghề, lợi thế văn hóa.

1. Đặt vấn đề

Lợi ích của việc phát triển du lịch làng nghề không chỉ thể hiện lợi nhuận kinh tế, giải quyết việc làm cho lao động địa phương mà còn bảo tồn được giá trị văn hoá ngàn đời của ông cha ta. Năm bắt được cơ hội, một số tỉnh thành như: Hà Tây, Hoà Bình, Bắc Ninh, Thừa Thiên – Huế, Đà Nẵng, Bến Tre, Cần Thơ, An Giang... đang triển khai mạnh mẽ loại hình này. Trong đó, Bến Tre là một trong những địa phương tiên phong. Với khoảng 500 km sông, rạch chằng chịt, địa thế ấy đã tạo giúp Bến Tre có những vườn cây trái đặc sản, sân chim, nhà cổ... Lãnh đạo tỉnh xác định du lịch vườn là một trong những mũi nhọn phát triển kinh tế.

Ông Nguyễn Duy Phương, Phó giám đốc Sở Thương mại - Du lịch Bến Tre cho biết: “Tình khuyến

khích người dân tham gia làm du lịch, gắn du lịch với xoá đói giảm nghèo”. Nhờ những chính sách hỗ trợ hợp lý và sự năng động của người dân, hiện Bến Tre đã có 29 điểm du lịch vườn, dẫn đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Nhiều điểm do người dân quản lý không chỉ khai thác giá trị kinh tế vườn mà còn giới thiệu những nghề truyền thống, văn hoá dân gian với du khách.

Năm 2005, lượng khách du lịch tới Bến Tre tăng gần 151.000 người, doanh thu trên 83 tỷ đồng (gấp đôi năm 2002). Đầu năm 2006, trên 20 hãng lữ hành từ khắp các địa phương đã ký hợp đồng đưa khách đến các điểm du lịch ở “xứ dừa”. Tính đến tháng 05/2009, Bến Tre đã đón gần 100.000 du khách, trong đó có trên 30.000 khách quốc tế.

Những năm qua, để đào tạo nhân lực cho ngành du lịch, một số cơ sở đào tạo ở TP Cần Thơ đã nỗ lực đầu tư trang thiết bị, cán bộ giảng dạy... nhưng vẫn gặp không ít khó khăn. Chẳng hạn như ở Trường Đại học Cần Thơ, năm học 2004-2005, Bộ môn Địa lý và Du lịch thuộc Khoa Sư phạm (nay là Bộ môn Lịch sử- Địa lý- Du lịch thuộc Khoa Khoa học và Xã hội nhân văn) đã mở khóa đầu tiên chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch hệ chính quy. Đến nay đã có 3 khóa, với 250 sinh viên tốt nghiệp. Năm học 2007-2008, Khoa Ngữ văn của Trường Đại học Tây Đô cũng đã mở khóa đầu tiên ngành VN học (chuyên ngành Du lịch) hệ chính quy. Đến nay, Trường ĐH Tây Đô đang đào tạo 4 khóa ngành VN học (chuyên ngành Du lịch) với hơn 500 sinh viên. TS. Đào

Ngọc Cảnh, Trưởng Bộ môn Lịch sử - Địa lý - Du lịch, cho biết: “Nhu cầu xã hội ngày càng tăng nhưng mỗi năm bộ môn chỉ tuyển từ 80-100 sinh viên cho chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch, vì năng lực của đơn vị có hạn, trang thiết bị còn thiếu thốn nhiều”.

Theo TS. Đào Ngọc Cảnh, ngành du lịch ở TP. Cần Thơ và ĐBSCL phát triển nhanh, các công ty du lịch mở nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện, kéo theo đó nguồn nhân lực cho ngành du lịch tăng. Tuy nhiên, nguồn nhân lực cho ngành du lịch toàn vùng không ổn định, do tính chất hoạt động du lịch theo mùa vụ. Phần lớn đơn vị kinh doanh du lịch vừa và nhỏ nên chỉ cần nhân lực có trình độ cao đẳng, trung cấp là đủ. TS. Cảnh phân tích: “Khó khăn nhất là Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch vẫn chưa xây dựng mã ngành du lịch. Một số trường đại học, cao đẳng có đào tạo ngành nghề liên quan đến du lịch nhưng tên gọi mỗi nơi khác nhau. Điều này gây khó khăn cho sinh viên khi tìm việc làm, cũng như nhu cầu học tập nâng cao trình độ”.

2. Thực trạng du lịch làng nghề ở ĐBSCL

Thành phố Cần Thơ nói riêng, ĐBSCL nói chung, vốn có tiềm năng du lịch làng nghề, sinh thái, nhà vườn, biển đảo... nhưng chưa được khai thác đúng mức. Lưu lượng khách tham quan du lịch thường biến động, chưa thực sự tạo lực hút đối với du khách. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do nguồn nhân lực thiếu và yếu. Trong khi đó, các cơ sở đào tạo nhân lực cho ngành du lịch, nhất là du lịch làng nghề tại TP. Cần Thơ và một số tỉnh trong khu vực vẫn còn lắm khó khăn...

ĐBSCL hiện có hàng trăm làng nghề. Thực tế cho thấy dù là làng nghề truyền thống hay mới hình thành, thì đây đều là nguồn tạo ra không ít việc làm cho lao động tại chỗ... Năm 2006, phong trào đan giỏ xách nhựa ở ấp Tân Dinh (xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp) được UBND tỉnh công nhận là làng nghề sau 5 năm phát triển. Người khai sinh làng nghề này là ông Lê Minh Triết, chủ cơ sở sản xuất giỏ nhựa Ba Hưng. Không chỉ giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ, hiện làng nghề đã mở thêm 10 “chi nhánh” ở các huyện Tam Nông, Hồng Ngự, Tân Hồng (cùng tỉnh); tạo việc làm ổn định cho trên 400 lao động với thu nhập khoảng 1,3 triệu đồng/tháng (thợ giỏi).

Huyện Giồng Trôm (Bến Tre) cũng có 4 làng nghề đã được công nhận. Đó là các làng nghề sản xuất bánh phồng Sơn Đốc, bánh tráng Mỹ Lồng, kim - kéo Mỹ Thạnh và đan giỏ Phước Long - Hưng Phong. Trong đó, làng nghề sản xuất bánh tráng Mỹ Lồng có thâm niên trên 100 năm. Với doanh thu bình quân gần 45 tỉ đồng/năm, các làng nghề này giải quyết việc làm cho trên 3.200 lao động tại địa phương, chiếm gần 50%/tổng số lao động ngành nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện. Các làng nghề này đã minh chứng một thực tế: Với các ngành nghề phù hợp với khả năng lao động tại địa phương, làng nghề chính là “kênh” tạo việc làm đáng kể cho lao động tại chỗ; nhất là vùng nông thôn.

Tuy nhiên, có một thực tế là số làng nghề sản xuất - kinh doanh ổn định, “ăn nên làm ra” trong tình hình hiện nay ở ĐBSCL chưa nhiều. Sau một quá trình hoạt động, nhiều làng nghề rơi vào tình cảnh lay lắt. Yếu kém chung của nhiều

làng nghề là thiếu vốn, thiếu thông tin, thiết bị - máy móc lạc hậu và sản phẩm ngày càng khó tìm “đầu ra” do tính cạnh tranh kém.

Ở Tiền Giang, một số làng nghề dù đã tồn tại trên 50 năm (chiếu Long Định, hủ tiếu Mỹ Tho...), đến trên 100 năm (tủ thờ Gò Công), song do không chủ động được nguồn nguyên liệu, “đầu ra” của sản phẩm khó mở rộng... nên cũng gặp nhiều khó khăn.

Ở TP. Cần Thơ có khá nhiều làng nghề như: làng trồng hoa Thới Nhứt, làng đan lưới Thơm Rơm, làng đan Lợp Thới Long, làng làm bánh tráng... thì vẫn đề thiếu vốn lại ngày càng đưa họ đi xa với ngành nghề truyền thống của mình, việc tồn đọng hàng hóa làm vơi đi lợi nhuận, ý chí kinh doanh... rồi sự lạc hậu trong nhận thức đã làm giảm khả năng tiếp nhận ở họ về các lĩnh vực: công nghệ hiện đại, thông tin thị trường... như vậy làm sao họ có thể nâng cao được lợi nhuận, rồi với sự lạc hậu trong công nghệ, họ phải vận dụng sức lao động của cả gia đình chỉ dành cho một vài sản phẩm, thực trạng hiện nay cho thấy vì không thể đáp ứng được nhu cầu của cuộc sống phần lớn nguồn nhân lực đã rời bỏ làng nghề và đến với các công ty cao hơn.

Một điều đáng chú ý nữa là do vấn đề thiếu vốn, các hộ gia đình hoạt động rời rạc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, mà Nhà nước thì không thể bỏ ra thật nhiều vốn để đầu tư xử lý rác thải cho từng cụm nhỏ, vậy thì phải giải quyết ra sao?

Vài năm gần đây, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp các tỉnh/thành vùng ĐBSCL bắt đầu quan tâm tới việc hỗ trợ các làng nghề. Chương trình

quy hoạch - phát triển làng nghề ở Tiền Giang đã thực hiện 5 năm. An Giang cũng đã có đề án đầu tư cho các làng nghề vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, thực tế cho thấy: Nếu thiếu giải pháp đồng bộ, đầu tư chưa thỏa đáng thì việc vực dậy các làng nghề ở ĐBSCL sẽ không đạt hiệu quả như mong muốn để tạo ra việc làm ổn định cho người lao động.

Thực tế cho thấy trong một vài năm trở lại đây, du lịch làng nghề đã trở thành một điểm nhấn quan trọng trong tiến trình phát triển du lịch, nó thể hiện rõ những nét văn hóa đặc trưng của từng khu vực, từng ngành nghề. Thế nhưng, làm thế nào để đưa loại hình du lịch này lên tầm phát triển cao, đóng vai trò quan trọng trong hầu hết các tour du lịch, đồng thời góp phần đẩy mạnh các làng nghề cho phù hợp với thời kỳ hội nhập kinh tế, điều đó vẫn đang chờ từ câu trả lời từ chúng ta.

Về phương diện du lịch, hiện nay trên địa bàn các tỉnh khu vực ĐBSCL, du lịch làng nghề vẫn chưa được phát triển, các tour du lịch rời rạc làm cho người dân không thu được lợi nhuận gì sau một chuyến tham quan của du khách, sản phẩm họ bán ra tiêu thụ không được vì phần lớn đó là những vật dụng của vùng đồng bằng sông nước. Đồng thời, việc ô nhiễm môi trường tại các nơi đến làm giảm số lượng du khách một cách đáng kể, với tình hình như vậy thì làm sao ta có thể nâng cao được khả năng phát triển của các làng nghề?

Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu sự phối hợp giữa các ngành liên quan trong xây dựng, quy hoạch du lịch làng nghề. Sự biến động của thị trường, khó khăn trong cạnh tranh, tiêu thụ hàng hóa khiến

hiều làng nghề ở ĐBSCL đang dần bị mai một, hoạt động cầm chừng, không tạo được môi trường du lịch có sức hút mạnh. Bên cạnh đó, các yếu tố về cơ sở hạ tầng, vệ sinh môi trường làng nghề cũng chưa được chú trọng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng các nghệ nhân và hướng dẫn viên du lịch làng nghề còn hạn chế.

Việc giữ gìn và phát huy giá trị của các làng nghề không những có vai trò quan trọng trong phát triển du lịch mà còn tác động đến việc duy trì nét đẹp văn hóa truyền thống quê hương, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sản xuất, mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, góp phần xây dựng văn hóa, văn minh nông thôn.

Theo Viện Nghiên cứu Phát triển du lịch, đến tháng 8 năm 2010, toàn ngành du lịch vùng ĐBSCL có trên 17.300 lao động, trong đó, lao động có trình độ từ đại học trở lên chỉ chiếm 6,3%. Đáng lo ngại hơn, tỷ lệ 6,3% này bao gồm cả các ngành khác chứ không phải là chuyên ngành du lịch. Vấn đề phát triển nhân lực cả lượng và chất đang là vấn đề cấp bách của toàn ngành du lịch vùng ĐBSCL nói chung, TP. Cần Thơ nói riêng.

3. Một số đề xuất và kiến nghị

Trên cơ sở thực trạng chung như vậy, chúng tôi đề xuất và kiến nghị một số giải pháp như sau:

3.1. Giải pháp trước mắt

Đầu tiên, muốn khôi phục lại các làng nghề, phải có một ban ngành riêng biệt, cụ thể để quản lý hệ thống các làng nghề phát triển trên cả hai phương diện: kinh tế và du lịch. Từ đó, đầu tư một số vốn để giúp đỡ các hộ dân, đảm bảo quá trình hoạt động của họ được diễn ra một cách bình thường như

trước, đồng thời thực hiện một số hoạt động cụ thể như sau:

- Xây dựng mô hình tổ chức đặc trưng cho làng nghề, có hệ thống WC phù hợp, đảm bảo sự phát triển liên tục, bền vững, an toàn vệ sinh môi trường, có hệ thống xử lý rác thải, hệ thống thùng đựng rác rải đều cho từng khu vực riêng biệt phù hợp và hiệu quả,

- Giáo dục đào tạo người dân, đồng thời mở những khóa học nâng cao tay nghề của các nghệ nhân, có những phương pháp hợp lý để giáo dục cách ứng xử tiếp xúc giữa dân bản địa với du khách (trẻ con không được chèo kéo, ăn xin, người bán hàng không lợi dụng bán giá cao cho khách du lịch.....)

- Nhanh chóng tiếp nhận thông tin đồng thời mang đến cho người dân những công nghệ, thông tin mới nhất đảm bảo cho họ có thể áp dụng thật nhanh chóng và hiệu quả, tuy nhiên, dù áp dụng công nghệ khoa học cao như thế nào thì vẫn phải giữ lại những nét văn hóa đặc sắc để bảo tồn truyền thống, một phần phục vụ cho khách du lịch. Bên cạnh đó, cần thu thập thông tin về các làng nghề để quảng bá rộng rãi cho du khách cũng như các nhà đầu tư (in poster, mạng Internet, trong các tour du lịch...), hàng năm chọn một ngày cụ thể để tổ chức “ngày hội làng nghề”, khi đó tập hợp tất cả các nghệ nhân trong vùng cùng với các sản phẩm đặc trưng của họ quảng bá cho tất cả mọi người, đồng thời nâng cao ý chí quyết tâm của họ - nghệ nhân sáng tạo ra nhiều sản phẩm mới để phục vụ cho ngày hội....

- Phối hợp với các công ty du lịch để tuyển chọn ra hướng dẫn tại chỗ dành phục vụ cho du khách, đồng thời thu phí từ các công ty du lịch sau mỗi lần tham quan, lấy tiền



phí đó phục vụ cho công tác phát triển làng nghề.

- Hướng dẫn cho một số hộ gia đình, ngoài việc làm nghề truyền thống thì để ra một vài người buôn bán thức ăn, nước uống cho khách hàng. Bên cạnh đó, nếu như các sản phẩm của làng nghề là cái lọp hay các vật dụng đánh bắt cá, du khách không thể mua về sử dụng được, ta có thể cho người dân làm với kích cỡ nhỏ hơn, làm quà kỉ niệm cho du khách, hoặc có những “căn chòi nhỏ” dùng để bán hàng lưu niệm...

- Dần dần đưa các điểm tham quan làng nghề vào các tour du lịch nhiều hơn, sáng tạo ra nhiều phương án thu hút du khách, về loại hình du lịch sinh thái, chúng ta đã có một ngày làm nông dân rồi, vậy thì “một ngày làm nghề nhân” sẽ ra sao?

Như vậy, trong hoàn cảnh và thực trạng hiện nay của các làng nghề việc phát triển một cách nhanh chóng là điều khó thực hiện, chúng ta cần tìm ra nhiều giải pháp khác nhau và cân nhắc khi áp dụng. Trên đây là một vài ý kiến và giải pháp cụ thể trước mắt chúng tôi đưa ra, hy vọng phần nào giúp ích

cho sự phát triển của các làng nghề ở ĐBSCL.

3.2. Giải pháp lâu dài

Để khai thác tiềm năng và phát triển bền vững du lịch làng nghề ở ĐBSCL, thiết nghĩ cần phải thực hiện đồng bộ và lâu dài các giải pháp sau:

Một là, rà soát và điều chỉnh quy hoạch phát triển làng nghề, gắn quy hoạch làng nghề với những điểm du lịch văn hóa, du lịch tự nhiên của tỉnh và những địa phương trong vùng để đa dạng hóa lịch trình, tạo ra những tour hấp dẫn và có sức cạnh tranh cao.

Hoàn thiện kết cấu hạ tầng và bảo đảm vệ sinh môi trường, cảnh quan làng nghề đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Mỗi làng nghề nên lựa chọn những gia đình còn giữ được nghề truyền thống, có mặt bằng rộng để có thể giới thiệu cho khách du lịch tham quan hoặc tham gia vào một số công đoạn của quá trình sản xuất. Tùy theo điều kiện cụ thể, mỗi làng nghề có thể thành lập phòng giới thiệu sản phẩm chung hoặc ở từng hộ gia đình để tạo hệ thống dịch vụ, bán sản phẩm, đồ

lưu niệm cho du khách, giúp tăng thu nhập cho nhân dân trong vùng. Ngoài ra, ở từng làng nghề cần có quy hoạch chi tiết các khu vực bãi đỗ xe, khu ăn uống, vệ sinh công cộng... để tạo nên các chương trình du lịch trọn gói và các dịch vụ liên hoàn.

Hai là, hoàn thiện sản phẩm du lịch theo hướng bảo tồn và phát triển sản phẩm các làng nghề, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách đến tham quan. Tăng cường đầu tư máy móc thiết bị, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cải tiến mẫu mã sản phẩm tạo ra hàng hóa phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

Mặt khác, cần duy trì các sản phẩm truyền thống mang đặc thù của từng làng nghề. Thực tế hiện nay, nhiều du khách muốn đến tận làng nghề để tham quan, tìm hiểu xem cách thức của người xưa sản xuất làm ra sản phẩm như thế nào và hơn thế nữa họ muốn được trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất ấy, thậm chí đó là một sản phẩm theo ý tưởng, mẫu thiết kế riêng cho du khách.

Ba là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá, thu hút khách và

giúp các làng nghề tiêu thụ sản phẩm, duy trì sản xuất. Xây dựng và đưa các thông tin liên quan đến làng nghề như quá trình sản xuất, lịch sử phát triển, các truyền thuyết (nếu có) lên website của ngành, địa phương và mạng Internet. Xuất bản các ấn phẩm chuyên về làng nghề và phân phát trong các hội chợ, hội thảo, phòng thông tin du lịch ở sân bay, nhà ga, khách sạn. Tổ chức đoàn khảo sát giới thiệu sản phẩm cho các công ty lữ hành quốc tế và lữ hành nội địa. Tăng cường quảng bá du lịch làng nghề ở ĐBSCL trên các báo, tạp chí, truyền hình trong và ngoài tỉnh để thu hút khách du lịch trong nước.

Đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận để đa dạng hóa lịch trình điểm đến của tour. Một điểm quan trọng khi đến các làng nghề, khách tham quan thường có thói quen mua các đồ của địa phương làm kỷ niệm, chính điều đó đã góp phần quan trọng trong việc quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, thu hút khách du lịch cho các làng nghề.

Bốn là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển du lịch làng nghề. Quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nghệ nhân sản xuất giỏi các mặt hàng thủ công mỹ nghệ ở các làng nghề truyền thống. Hàng năm nên tổ chức “Lễ hội làng nghề” để tôn vinh các nghệ nhân, tăng tính hấp dẫn và thu hút sự chú ý của khách du lịch.

Có kế hoạch tuyển chọn, bồi dưỡng đội ngũ thuyết minh viên du lịch từ những nghệ nhân, người thợ ở các làng nghề. Nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư địa phương về lợi ích của du

lịch làng nghề để họ tham gia tích cực vào các hoạt động đón tiếp du khách, cũng như ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống của sản phẩm làng nghề và văn hóa đặc sắc địa phương, tạo môi trường văn minh, lịch sự, hấp dẫn du khách đến tham quan làng nghề.

Chính quyền địa phương cần có chính sách hỗ trợ công tác khôi phục lại các làng nghề truyền thống. Trong khai thác du lịch làng nghề, các doanh nghiệp du lịch đưa khách đến thăm quan cần thực hiện phân chia lợi nhuận thu được qua các hình thức đóng góp xây dựng đối với cộng đồng làng nghề và trả lương cho những nghệ nhân, thợ thủ công và thuyết minh viên ở các cơ sở để họ yên tâm với nghề.

Du lịch làng nghề sẽ thực sự hấp dẫn, có hiệu quả khi các cấp ủy, chính quyền địa phương và ngành du lịch quan tâm tổ chức thực hiện những chủ trương, chính sách đúng đắn, thiết thực và mang tính chiến lược lâu dài. Bên cạnh đó là chú trọng công tác quảng bá, thu hút khách, nâng cao chất lượng sản phẩm và đội ngũ những người làm công tác du lịch làng nghề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Báo cáo về du lịch của các Sở Văn hóa, Du lịch & Thể thao các tỉnh ĐBSCL
<http://vietbao.vn/Du-lich/Du-lich-lang-nghe-con-bi-bo-quen/10725987/254/>
http://www.aip.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&category_id=217&news_id=1427
<http://www.xuctiendulich.vinhlong.gov.vn/news/163/Lang-nghe-truyen-thong.aspx>

1. Tổng quan bức tranh kinh tế VN năm 2012

Năm 2012 đã khép lại. VN cũng như hầu hết các quốc gia trên thế giới đã chứng kiến một nền kinh tế trong năm qua với những số liệu thống kê không mấy lạc quan như: tăng trưởng sụt giảm, nguy cơ lạm phát cao, số lượng các doanh nghiệp phá sản gia tăng, hàng tồn kho gia tăng, đóng băng bất động sản và sự tê liệt của thị trường chứng khoán.

1.1 Tăng trưởng kinh tế tiếp tục sụt giảm

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2012 chỉ đạt 5,03%. Mức này thấp hơn đáng kể so với dự báo gần nhất là 5,2 – 5,3%. Cụ thể, GDP quý I tăng 4,64%, quý II tăng 4,8%, quý III tăng 5,05% và quý IV tăng 5,44%.¹ Như vậy, tăng trưởng trong năm 2012 là thấp nhất trong giai đoạn từ 2000 đến nay và thấp hơn nhiều các nước đang phát triển châu Á – Thái Bình Dương (Hình 1).

Trong giai đoạn 2003 - 2012 tốc độ tăng trưởng kinh tế của VN so với các đang phát triển trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương tăng trưởng của VN luôn thấp hơn và dao động từ 1,5% đến 4%. Như vậy, dưới góc độ tăng trưởng kinh tế, VN đang bị tụt hậu so với các nước này, Hình 2.

1.2 Lạm phát đã được kiềm chế, nhưng rủi ro bùng nổ vẫn cao

So với năm 2011, tình hình lạm phát năm 2012 đã có chuyển biến tốt hơn, nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp chính sách, như: thắt chặt tiền tệ, quản lý chặt chẽ chi tiêu và giảm bội chi ngân sách nhà nước, cắt giảm vốn đầu tư và đổi mới nâng cao hiệu quả đầu tư công. Tỷ lệ lạm phát năm 2012 là 6,81%. Như vậy, chúng ta đã kéo